

KẾ HOẠCH

Triển khai Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Huế

Thực hiện Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 (gọi tắt là Quyết định số 1266/QĐ-TTg); Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Huế, với những nội dung, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Nhóm mục tiêu về phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 100% các sở, ban, ngành, xã, phường sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.
- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.
- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia, ngành, lĩnh vực, cấp thành phố được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI.
- Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định.
- 70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính.
- 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số.
- 100% cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ.

b) Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:

- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP.
- Hỗ trợ tối thiểu 800 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.
- Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15 - 17%.
- Phần đầu đạt 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.
- Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GRDP.
- Trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung.

c) Nhóm mục tiêu về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân:

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.
- Phần đầu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%.
- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 50.000 lượt người trong độ tuổi lao động.

2. Mục tiêu đến năm 2045

Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP, kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu của nền kinh tế.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế số

a) Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, định danh và xác thực điện tử, chữ ký số, thanh toán số, dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số, AI, tài sản số, kinh tế dữ liệu, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng và các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh mới trên môi trường số. Thể chế số phải đáp ứng đồng thời yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và công nghiệp công nghệ số; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số.

b) Hoàn thiện cơ chế pháp lý để cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với thủ tục hành chính đủ điều kiện; tăng dần tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tăng tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến; bảo đảm việc số hóa, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính; đơn giản hóa thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác dữ liệu đã có trong các hệ thống của cơ quan nhà nước.

Từng bước triển khai dịch vụ công trực tuyến chủ động, cá thể hóa và tự động trên cơ sở khai thác dữ liệu và ứng dụng AI. Khuyến khích các nền tảng số, siêu ứng dụng, ứng dụng ngân hàng và trung gian thanh toán đủ điều kiện tham gia tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mở rộng kênh tiếp cận thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Triển khai các hoạt động đề cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định; AI kinh tế, xã hội.

c) Hoàn thiện thể chế về quản trị dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Huế, dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thuộc phạm vi quản lý, kho tri thức số, thị trường dữ liệu, sản phẩm dữ liệu, nền tảng số dùng chung quốc gia trên địa bàn thành phố. Xây dựng, thực hiện quy định về tạo lập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, tái sử dụng, định giá, thương mại hóa dữ liệu; cơ chế kết nối dữ liệu giữa khu vực công và khu vực tư; cơ chế khai thác dữ liệu hành chính phục vụ thống kê, điều hành, dự báo và hoạch định chính sách, từng bước giảm phụ thuộc vào điều tra thủ công. Xây dựng, thực hiện cơ chế khai thác dữ liệu phục vụ phát triển AI, bảo đảm quyền riêng tư, an toàn dữ liệu và chủ quyền dữ liệu quốc gia, thành phố.

d) Đổi mới, thực hiện cơ chế đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê dịch vụ công nghệ số, mua sắm công, hợp tác công tư và các cơ chế tạo lập thị trường nhằm phát huy vai trò Nhà nước là khách hàng lớn, người dẫn dắt thị trường và người sử dụng đầu tiên đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam. Ưu tiên sản phẩm, nền tảng, dịch vụ “Make in Viet Nam”; tạo thị trường ban đầu cho các sản phẩm công nghệ số phục vụ các bài toán lớn của thành phố.

Nghiên cứu gắn kết quả đánh giá chuyển đổi số và mức độ hoàn thành các mục tiêu với việc ưu tiên bố trí, phân bổ nguồn lực các sở, ban, ngành, xã, phường, bảo đảm phù hợp với pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định có liên quan.

đ) Triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh số mới; cho phép triển khai thí điểm trong phạm vi, thời gian và điều kiện xác định để đánh giá tác động, hoàn thiện chính sách, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thương mại hóa công nghệ và phát triển các ngành kinh tế mới. Nghiên cứu xây dựng mô hình sandbox về kinh tế di sản số.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Ưu tiên phát triển hạ tầng băng rộng cố định và di động tốc độ cao, hạ tầng 5G và các thể hệ mạng di động tiếp theo trên địa bàn thành phố; hạ tầng

Internet vạn vật, điện toán đám mây, điện toán biên, trung tâm dữ liệu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng phục vụ AI và các nền tảng kết nối số quy mô lớn. Phát triển đồng bộ hạ tầng viễn thông mặt đất và hạ tầng vệ tinh, bảo đảm kết nối số an toàn, liên tục trên phạm vi toàn thành phố, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới. Đẩy nhanh phổ cập hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến hộ gia đình, mở rộng khả năng tiếp cận hạ tầng số tại các khu vực khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách số. Bảo đảm hạ tầng số có năng lực chống chịu trước rủi ro an ninh mạng, thiên tai, khủng hoảng, gián đoạn chuỗi cung ứng và các thách thức an ninh phi truyền thống. Rà soát, phủ sóng ở các vùng trắng, vùng lùm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động; thúc đẩy sử dụng điện thoại thông minh cho người dân.

b) Phát triển hạ tầng số dùng chung của khu vực công theo hướng thống nhất, hiện đại, linh hoạt, an toàn, bảo mật và có khả năng mở rộng trên địa bàn thành phố. Tập trung hoàn thiện hạ tầng định danh số, xác thực số, chữ ký số, thanh toán số, địa chỉ số, bản đồ số, hạ tầng tích hợp, chia sẻ và điều phối dữ liệu; hạ tầng giám sát, đo lường, cảnh báo và điều hành số phục vụ quản trị thành phố dựa trên dữ liệu theo thời gian thực. Phát triển hạ tầng định danh và xác thực cho thiết bị, hệ thống và các tác nhân AI, đáp ứng yêu cầu phát triển Internet vạn vật và các mô hình ứng dụng số thế hệ mới.

c) Phát triển Trung tâm dữ liệu thành phố trở thành hạ tầng dữ liệu trọng yếu; đồng thời phát huy vai trò của các trung tâm dữ liệu do doanh nghiệp trên địa bàn và doanh nghiệp FDI đầu tư, vận hành theo chuẩn thống nhất, bảo đảm an toàn, an ninh và chủ quyền dữ liệu và khả năng kết nối, chia sẻ, dùng chung. Mạng lưới này được phát triển theo hướng kết nối, dùng chung, tối ưu hóa đầu tư và phù hợp với lộ trình dịch chuyển dữ liệu, ứng dụng lên Trung tâm dữ liệu thành phố. Phát triển hạ tầng điện toán đám mây theo hướng hiện đại, xanh, an toàn, có năng lực dự phòng và phục hồi sau sự cố. Bảo đảm hạ tầng dữ liệu và hạ tầng tính toán đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý, phân tích dữ liệu lớn, triển khai AI, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, điều hành dựa trên dữ liệu và cung cấp các dịch vụ số thiết yếu. Hình thành hạ tầng dữ liệu dùng chung thống nhất, bảo đảm dữ liệu được kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng xuyên suốt trong toàn hệ thống chính trị.

d) Tập trung phát triển hạ tầng tính toán, hạ tầng AI thành phố và dữ liệu phục vụ phát triển AI; hình thành các trung tâm tính toán hiệu năng cao, trung tâm AI, hạ tầng tính toán chuyên dụng, kho dữ liệu và các nền tảng AI dùng chung. Ưu tiên làm chủ các công nghệ lõi về AI và hạ tầng AI; công cụ phát triển, huấn luyện, tinh chỉnh, đánh giá và triển khai mô hình AI; xây dựng năng lực tự chủ trong thiết kế, vận hành, bảo đảm an toàn, an ninh và khai thác hạ tầng AI quốc gia. Bảo đảm năng lực thu thập, chuẩn hóa, quản trị, chia sẻ và khai thác dữ liệu chất lượng cao phục vụ phát triển AI; từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu AI tin cậy, có khả năng liên thông, tái sử dụng và tuân thủ quy

định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu. Từng bước hình thành năng lực của thành phố về huấn luyện, triển khai và khai thác các mô hình AI quy mô lớn phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế số, xã hội số và công nghiệp công nghệ số.

đ) Huy động hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội; thúc đẩy hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số, nhất là trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng tính toán chuyên dụng, kết nối quốc tế, cáp quang, hạ tầng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng thanh toán số và hạ tầng chữ ký số; khu công nghệ số; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của thành phố, đất nước. Triển khai hoàn thiện hạ tầng đầu cuối các cấp, ngành; đề án đầu tư hạ tầng IoT đến thôn, tổ dân phố toàn thành phố.

3. Phát triển dữ liệu số, nền tảng số dùng chung

a) Tập trung xây dựng, phát triển, hoàn thiện, kết nối liên thông và chia sẻ các cơ sở dữ liệu thành phố, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; hình thành cơ sở dữ liệu tổng hợp thành phố có tích hợp, sử dụng AI để phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ số quốc gia và kiến trúc chính quyền số của thành phố. Xem xét kết nối, chia sẻ các dữ liệu còn lại giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và trực liên thông của thành phố. Ưu tiên các dữ liệu nền tảng về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, y tế, giáo dục, lao động, an sinh xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, giao thông, tài nguyên và môi trường.

b) Đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa, làm sạch và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính. Bảo đảm dữ liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được chia sẻ, tái sử dụng theo quy định để đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Triển khai cơ chế, chính sách cụ thể để các sở, ngành, địa phương chủ động thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu. Nghiên cứu số hóa dữ liệu hạ tầng cơ bản của các địa phương cấp xã.

c) Kết nối, ứng dụng các nền tảng số dùng chung quốc gia có tích hợp, sử dụng AI để phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, phát triển kinh tế số và xã hội số. Ưu tiên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; nền tảng định danh và xác thực; nền tảng thanh toán số; nền tảng bản đồ số; nền tảng điều hành, báo cáo, giám sát; nền tảng trợ lý số và AI dùng chung; nền tảng dữ liệu mở; nền tảng phục vụ y tế số, giáo dục số, thương mại số, logistics số, nông nghiệp số, du lịch số, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm. Tổ chức tập huấn doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung.

d) Thúc đẩy mở dữ liệu của cơ quan nhà nước bảo đảm chất lượng, khả năng khai thác, sử dụng và tái sử dụng. Ưu tiên các bộ dữ liệu có giá trị cao phục vụ đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển doanh nghiệp, thương mại điện tử, dịch vụ số, thống kê, dự báo và giải quyết các vấn đề xã hội. Tham gia phát triển thị trường dữ liệu, sàn dữ liệu và dịch vụ dữ liệu theo lộ trình của quốc gia; tạo nền tảng cho kinh tế dữ liệu và kinh tế số phát triển; số hóa di sản và khai thác di sản số.

đ) Bảo đảm mọi hoạt động phát triển dữ liệu và nền tảng số gắn với tự chủ công nghệ, bảo đảm chủ quyền dữ liệu, chủ quyền số, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

4. Phát triển nhân lực số

a) Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu, cán bộ xây dựng chính sách, cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng, tổ công nghệ số cộng đồng, cán bộ hỗ trợ, hướng dẫn chuyển đổi số ở cơ sở thông qua tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin;... đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản.

b) Ưu tiên phát triển năng lực lãnh đạo số, quản trị số và ra quyết định dựa trên dữ liệu; bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kỹ năng số thường xuyên cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong cơ quan nhà nước.

c) Đổi mới giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển tư duy số, AI, tư duy dữ liệu, năng lực sử dụng công nghệ, an toàn thông tin, sáng tạo và thích ứng với thay đổi công nghệ. Ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược, dữ liệu, an toàn thông tin, điện toán đám mây, AI, nền tảng số và quản trị dữ liệu.

d) Tăng cường đào tạo các ngành STEM, giáo dục nghề nghiệp số, đào tạo lại và đào tạo thường xuyên cho người lao động; thúc đẩy liên kết Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường và các chương trình, dự án chuyển đổi số.

đ) Đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn số, giao dịch số, thanh toán số, chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân, định danh điện tử và sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Triển khai phong trào Bình dân học vụ số; phát triển các nền tảng hỗ trợ học tập suốt đời, kết nối đào tạo, việc làm và dự báo nhu cầu nhân lực. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho người trong độ tuổi lao động.

e) Triển khai các nhiệm vụ, hoạt động nhằm thu hẹp khoảng cách số, bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng thành quả chuyển đổi số; ưu tiên hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và các nhóm yếu thế.

g) Thu hút, sử dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài, chuyên gia công nghệ số trong và ngoài nước; khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên gia tham gia các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số

a) Ưu tiên hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số “Make in Viet Nam” có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, với nòng cốt là các doanh nghiệp phát triển nền tảng số, dữ liệu, AI, an toàn thông tin mạng, điện toán đám mây, bán dẫn, phần mềm, nội dung số và cung cấp giải pháp chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực.

b) Phát huy vai trò của Nhà nước là thị trường lớn và khách hàng quan trọng của doanh nghiệp công nghệ số. Nhà nước tạo không gian thử nghiệm và thị trường ban đầu cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong nước thông qua đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm công, thuê dịch vụ công nghệ số, thử nghiệm có kiểm soát và ưu tiên ứng dụng trong các bài toán lớn, nhất là dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu dùng chung, an toàn thông tin mạng, y tế số, giáo dục số, thanh toán số và quản trị số.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, phát triển sản phẩm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, bảo mật, thương mại hóa và mở rộng thị trường. Khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao và các sở, ngành, địa phương để hình thành chuỗi giá trị công nghệ số trong nước, tăng tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa trong sản phẩm, dịch vụ số.

d) Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số doanh nghiệp trong toàn nền kinh tế, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các ngành, lĩnh vực có lợi thế của thành phố. Triển khai các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số quy mô lớn, thiết thực, dễ tiếp cận; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số, dữ liệu, AI, thương mại điện tử, thanh toán số, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số và các giải pháp quản trị số trong sản xuất, kinh doanh. Phát triển thương mại điện tử, kinh tế nền tảng, kinh tế dữ liệu và các mô hình kinh doanh số mới; giúp doanh nghiệp đổi mới mô hình quản trị, mô hình kinh doanh, nâng cao năng suất, giảm chi phí, mở rộng thị trường, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị số, góp phần nâng cao tỷ trọng kinh tế số trong GRDP.

đ) Ưu tiên phát triển doanh nghiệp công nghệ số hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ tiên tiến như AI, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, an toàn thông tin mạng, bán dẫn, chuỗi khối, Internet

vạn vật, robot, tự động hóa, thực tế mở rộng, công nghệ lượng tử và các công nghệ số mới nổi. Khuyến khích doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp công nghệ dẫn dắt đổi mới sáng tạo, hỗ trợ hệ sinh thái doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế

a) Tham gia xây dựng, định hình và thực thi các nguyên tắc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, khuôn khổ hợp tác quốc tế về mạng di động 5G/6G, quản trị dữ liệu, AI, an toàn thông tin mạng, định danh số, chữ ký số, thanh toán số, thương mại số, dịch vụ số, luồng dữ liệu xuyên biên giới, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị nền tảng số và kinh tế số.

b) Mở rộng hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế, tập đoàn công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học hàng đầu trên thế giới để tiếp nhận tri thức, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát triển hạ tầng chuyển đổi số, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao.

c) Ưu tiên hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược, công nghệ lõi và công nghệ mới nổi; đồng thời bảo đảm nguyên tắc không phụ thuộc công nghệ, không lệ thuộc nền tảng, kiểm soát được các rủi ro về dữ liệu, an ninh mạng, chuỗi cung ứng, tiêu chuẩn kỹ thuật và chủ quyền số. Hợp tác quốc tế phải đi đôi với nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển, hấp thụ, làm chủ và sáng tạo công nghệ của thành phố.

d) Phát huy vai trò của hợp tác quốc tế trong xử lý các vấn đề xuyên biên giới như an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, bảo vệ dữ liệu, phòng chống thông tin xấu độc, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và bảo đảm quyền lợi người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trong không gian số. Gắn hợp tác quốc tế về chuyển đổi số với ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ, thu hút đầu tư chất lượng cao, phát triển thị trường xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ số và nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố.

III. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, trong đó ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giữ vai trò chủ đạo; nguồn kinh phí huy động từ các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch do cơ quan nhà nước chủ trì.

3. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc tổ chức thực hiện

a) Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và Ban Chỉ đạo của UBND thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; phát huy vai trò chủ trì của cơ quan quản lý nhà nước về chuyển đổi số thành phố, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của từng sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc triển khai phải gắn kết chặt chẽ giữa hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, nguồn nhân lực số, doanh nghiệp công nghệ số.

b) Người đứng đầu sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố về kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số được giao; định kỳ kiểm tra, đánh giá, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Kế hoạch.

c) Các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch được phân công theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan; bảo đảm mỗi việc có đầu mối chủ trì rõ ràng theo nguyên tắc 6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền và tổ chức thực hiện hiệu quả gắn với kiểm tra, giám sát, đồng thời xác định đầy đủ cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp, tránh chồng chéo, phân tán, bỏ trống trách nhiệm hoặc giao việc vượt thẩm quyền pháp lý.

d) Thường xuyên tổ chức thống kê, đo lường, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, thực hiện trên nền tảng số dựa trên cơ sở dữ liệu bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời; lấy kết quả thực hiện và mức độ chuyển đổi số làm căn cứ để xếp hạng, khen thưởng, điều chỉnh nhiệm vụ, chính sách và ưu tiên bố trí nguồn lực. Kết quả đánh giá phải được công khai, minh bạch, phục vụ chỉ đạo, điều hành và nâng cao trách nhiệm của sở, ban, ngành, UBND xã, phường trong triển khai chuyển đổi số.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường xây dựng tham mưu UBND thành phố ban hành kế hoạch hằng năm.

b) Chủ trì điều phối liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch của các sở, ban, ngành, UBND xã, phường, doanh nghiệp, tổ chức có liên quan.

c) Chủ trì xây dựng, triển khai các giải pháp công nghệ để theo dõi, thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá được các mục tiêu, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch trên môi trường số, bảo đảm tự động tối đa, kịp thời, công khai, minh bạch.

d) Chủ trì xây dựng, hoàn thiện Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của thành phố phiên bản mới, phù hợp với Kế hoạch và thông lệ quốc tế; thực hiện đánh giá chuyển đổi số của thành phố và công bố công khai kết quả đánh giá

định kỳ hằng năm làm căn cứ theo dõi, đôn đốc, điều chỉnh Kế hoạch, làm cơ sở theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, xem xét biểu dương, khen thưởng hoặc đề xuất biện pháp chấn chỉnh đối với các cơ quan, tổ chức có kết quả thực hiện chưa đạt yêu cầu, tạo động lực thi đua chuyển đổi số.

đ) Chủ trì tổ chức truyền thông, phổ biến, nâng cao nhận thức, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn năng lực chuyển đổi số phục vụ thực hiện Kế hoạch.

e) Hằng năm tổng hợp, báo cáo UBND thành phố về tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết.

3. Công an thành phố có trách nhiệm:

a) Chủ trì tham mưu UBND thành phố ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền hoặc tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về dữ liệu, cơ sở dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống tội phạm công nghệ cao và các nguy cơ phát sinh trên môi trường số.

c) Chủ trì triển khai các giải pháp giám sát, điều hành, phát hiện, cảnh báo và ứng cứu sự cố đối với hạ tầng số quan trọng, nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi quản lý, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin thiết yếu.

4. Sở Tư pháp, có trách nhiệm:

a) Chủ trì rà soát, tham mưu hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chuyển đổi số thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND thành phố.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan tham gia góp ý, thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về chuyển đổi số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, giao dịch điện tử, bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật.

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 5 Mục này.

5. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan, có trách nhiệm:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức quán triệt, cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch, đề án của cơ quan, đơn vị; xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ, nguồn lực và trách nhiệm thực hiện đối với từng mục tiêu, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức thực hiện, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, quy định thuộc phạm vi quản lý để bảo đảm thống nhất,

đồng bộ với Kế hoạch; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý trong quá trình thực hiện.

d) Bố trí nhân lực, kinh phí, hạ tầng và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện Kế hoạch; lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; ưu tiên triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có tác động lan tỏa.

đ) Kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, sở quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, điều chỉnh Kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ liên ngành.

e) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan có thẩm quyền trong công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

6. Các doanh nghiệp công nghệ số địa bàn thành phố có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số chủ động nghiên cứu, cập nhật xu hướng công nghệ số mới; tham gia góp ý, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp chuyển đổi số; phối hợp với cơ quan nhà nước trong ứng dụng, thử nghiệm, chuyển giao, làm chủ công nghệ số tại Việt Nam trên địa bàn thành phố.

c) Chủ động đầu tư, nghiên cứu, phát triển, làm chủ và ứng dụng các công nghệ số chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ mới nổi; phát huy vai trò dẫn dắt trong hình thành hệ sinh thái và chuỗi giá trị công nghệ số trên địa bàn thành phố, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng, phát triển, thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam trên địa bàn thành phố.

7. Các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức khác có liên quan, có trách nhiệm:

a) Chủ động tham gia thực hiện Kế hoạch thông qua đầu tư, nghiên cứu, phát triển, cung cấp sản phẩm, dịch vụ, nền tảng, giải pháp số và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch.

c) Tham gia truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, phổ cập tri thức số, hỗ trợ cộng đồng, người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thụ hưởng thành quả của chuyển đổi số.

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình tham gia thực hiện Kế hoạch.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT.Thành ủy; TT.HĐND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- CT và các Phó CT UBND thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Công an thành phố;
- Đại học Huế;
- Trường Cao đẳng Huế;
- Các doanh nghiệp công nghệ số (Sở KH&CN sao gửi);
- UBND các phường, xã;
- VP.UBND thành phố: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CN, TTr.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thùy Giang

Phụ lục I
HỆ THỐNG MỤC TIÊU THUỘC KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ
(Kèm theo Kế hoạch số 469 /KH-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của UBND thành phố Huế)

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
A	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030		
I	Nhóm mục tiêu về phát triển chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động		
1.	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	Văn phòng UBND thành phố	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
2.	99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
3.	100% sở, ban, ngành, địa phương sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
4.	100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
5.	100% cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý, ngành, lĩnh vực, thành phố được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
6.	100% trung tâm điều hành thông minh thành phố được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
7.	100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
8.	70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính	Thống kê thành phố	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
9.	100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành,

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
	nước được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số		UBND xã, phường
10.	100% cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
11.	100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
II	Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế		
12.	Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
13.	Hỗ trợ tối thiểu 800 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở KH&CN	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
14.	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15 - 17%	Sở Công Thương	Sở KH&CN; các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
15.	Phần đầu đạt 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	Sở Công Thương	Sở KH&CN; các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
16.	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GRDP	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Huế	Sở KH&CN; các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
17.	Trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
III	Nhóm mục tiêu về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân		
18.	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình	Sở KH&CN	Doanh nghiệp viễn thông
19.	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Chi	Các ngân hàng; doanh

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
	hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%	nhánh thành phố Huế	ngành cung cấp dịch vụ mobile money
20.	Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%	Sở KH&CN	Công an thành phố
21.	Phần đầu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%	Sở Y tế	Công an thành phố; các sở, ban, ngành, UBND xã, phường
22.	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 50.000 lượt người trong độ tuổi lao động	Sở KH&CN	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, các sở, ban ngành, UBND xã, phường, doanh nghiệp công nghệ số
B	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2045		
23.	Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP, kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu của nền kinh tế	Sở KH&CN	Các sở, ban ngành, UBND xã, phường

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ
CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ
(Kèm theo Kế hoạch số 469 /KH-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
I.	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ				
1.	Rà soát tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo	Sở Tư pháp	Sở KH&CN, các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên
2.	Rà soát tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo.	Các sở, ban, ngành	Sở Tư pháp, UBND xã, phường	Văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên
3.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.	Sở Tài chính	Sở Tư pháp, Sở KH&CN, các sở, ngành, UBND xã, phường	Văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên
4.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát	Sở KH&CN	Sở Tư pháp, các sở, ngành, UBND xã, phường	Văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.				
5.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thương mại để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.	Sở Công Thương	Sở Tư pháp, Sở KH&CN các sở, ngành, UBND xã, phường	Văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên
6.	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo. Thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.	Sở Nội vụ	Sở KH&CN, các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Các quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng được chuẩn hóa, điện tử hóa.	2026 - 2030
7.	Triển khai gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp	Văn phòng UBND thành phố	Sở KH&CN, các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số	2026 - 2030
II.	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ				
8.	Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 2 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật. Tái cấu trúc hạ tầng công	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Hạ tầng số của các sở, ban, ngành, xã, phường hoạt động ổn định, thông suốt các cấp.	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, xã, phường, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.				
9.	Ưu tiên hạ tầng triển khai bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong các lĩnh vực có nhu cầu điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng, sản xuất, năng lượng, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, đô thị và dịch vụ công thiết yếu.	Sở KH&CN	Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Hình thành và đưa vào vận hành hiệu quả các nền tảng dữ liệu, bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định phục vụ điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng và phát triển các lĩnh vực thiết yếu.	2026 - 2030
10.	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị, nông nghiệp, môi trường, y tế, giáo dục, văn hóa, di sản,...để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) được triển khai rộng khắp.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.				
11.	Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý bắt buộc tích hợp thiết bị cảm biến và các ứng dụng công nghệ số khác, kèm theo lộ trình áp dụng phù hợp.	Sở Xây dựng	Sở KH&CN, Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn bản quy phạm pháp luật.	2026 - 2030
III.	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ, NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG				
12.	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung để tập hợp dữ liệu đa dạng (cấu trúc và phi cấu trúc). Phát triển hệ thống xử lý dữ liệu thông minh riêng để xử lý, phân tích và khai phá dữ liệu nhằm tạo ra các thông tin giá trị phục vụ chỉ đạo điều hành.	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Kho dữ liệu dùng chung và hệ thống xử lý dữ liệu thông minh.	2026 - 2030
13.	Thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với 100% thủ tục hành chính thiết yếu theo hướng cắt giảm tối đa giấy tờ, bắt buộc áp dụng nguyên tắc người dân không phải khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Văn phòng UBND thành phố	Công an thành phố; Sở Tư pháp; Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Các quy trình nghiệp vụ được tái cấu trúc.	2026 - 2030
14.	Thúc đẩy phát triển và ứng dụng các nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi	Sở KH&CN	Công an thành phố; Sở Công Thương;	Hình thành và mở rộng ứng dụng hiệu quả các	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu phục vụ sản xuất, thương mại, logistics, nông nghiệp, xuất khẩu và các lĩnh vực có yêu cầu cao về minh bạch, tiêu chuẩn và kết nối thị trường.		Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, thương mại, logistics, xuất khẩu và kết nối thị trường.	
15.	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung và AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực, AI kinh tế, xã hội	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Hình thành, làm chủ, triển khai hiệu quả và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung, AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực.	2026 - 2030
16.	Ứng dụng AI để hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục, tự động điền biểu mẫu và tự động thẩm định các hồ sơ đơn giản nhằm chuyển từ dịch vụ công trực tuyến sang dịch vụ công trực tuyến tự động.	Sở KH&CN	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND thành phố; các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Giảm 50% thời gian xử lý thủ tục hành chính nhờ ứng dụng AI, giúp giảm tải cho bộ máy hành chính và giảm thiểu rủi ro những nhầm lẫn.	2026 - 2030
17.	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng AI trong quản trị địa phương, sản xuất	Sở KH&CN	Công an thành phố, Các sở, ban, ngành,	Các mô hình ứng dụng AI trong quản trị địa	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh; ban hành hướng dẫn về đạo đức AI, quản trị rủi ro AI, trách nhiệm pháp lý và bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống AI.		UBND xã, phường	phương, sản xuất công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp và sản xuất kinh doanh được phát triển, thử nghiệm, đánh giá và nhân rộng; đồng thời ban hành hướng dẫn về đạo đức AI, quản trị rủi ro AI, trách nhiệm pháp lý và bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống AI.	
18.	Cung cấp dữ liệu mở, hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ, sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương.	Sở KH&CN	Công an thành phố, Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Các bộ dữ liệu mở.	2026 - 2030
19.	Tổ chức tập huấn doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung	2026 - 2030
IV.	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ				
20.	Xây dựng chương trình tiếp tục nâng cao	Sở KH&CN	Sở Nội vụ, Công an	Các chương trình.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	nhận thức, đào tạo, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng AI, kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước và người dân.		thành phố, Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường		
21.	Phổ cập công dân số (đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản,...), hình thành, phát triển ứng dụng công dân số của địa phương, tích hợp đa tiện ích, kết nối với VNeID.	- Sở KH&CN - Công an thành phố - UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Ứng dụng công dân số	2026 - 2030
22.	Đẩy mạnh các hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, đặc biệt là các tổ công nghệ số cộng đồng; có chính sách hỗ trợ hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, phường, kết hợp xã hội hóa nhằm phát huy hiệu quả hoạt động (thông qua hướng dẫn, tập huấn, các hoạt động giúp chuyển đổi số cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp và nội dung liên quan khác,...).	- Sở KH&CN - UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Hình thành Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, nòng cốt là tổ công nghệ số cộng đồng.	2026 - 2030
23.	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước	- Sở KH&CN - UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng	2026 - 2030
24.	Tổ chức đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức có	- Sở KH&CN - UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản được đào tạo, bồi	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	tài khoản	phường		dưỡng	
25.	Triển khai chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân (18 tuổi trở lên)	UBND xã, phường	Sở KH&CN, các sở, ban, ngành	Người dân trên địa bàn có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử (18 tuổi trở lên)	2026 - 2030
V.	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ				
26.	Mở rộng, phát triển kinh tế số từ việc số hóa, chuyển đổi các hoạt động kinh tế hiện hữu lên môi trường số đến kiến tạo các mô hình kinh doanh mới, ngành nghề mới và không gian tăng trưởng mới dựa trên công nghệ số, ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế số dựa trên công nghệ số chiến lược (số hóa di sản, ứng dụng thực tế ảo, vé điện tử,...).	- Sở KH&CN - Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Hình thành và phát triển các ngành kinh tế mới trên địa bàn thành phố	2026 - 2030
VI.	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ				
27.	Chủ động hợp tác quốc tế trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số.	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Các hoạt động hợp tác quốc tế, biên bản ghi nhớ.	2026 - 2030
28.	Có chính sách ưu đãi đặc thù về môi trường làm việc để thu hút các chuyên gia công nghệ, nhà khoa học dữ liệu hàng đầu thế giới về Việt Nam làm việc trên địa bàn.	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Các chính sách được ban hành.	2026 - 2030